**Phụ lục I**

**Danh sách các cặp cửa khẩu thực hiện Hiệp định GMS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ...../2025/TT-BXD ngày .... tháng .... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**“Danh sách các cặp cửa khẩu thực hiện Hiệp định GMS**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **TT** | **Quốc gia** | **Cặp cửa khẩu** |
| 1 | Campuchia | Dong Kralor (Campuchia) - Veunekharn (Lào)  Cham Yeam (Campuchia) - Hat Lek (Thái Lan)  Poi pet (Campuchia) - Aranyaprathet (Thái Lan)  Bavet (Campuchia) - Mộc Bài (Việt Nam)  Prek Chak (Campuchia) - Hà Tiên (Việt Nam)  Trapeang Kriel (Campuchia) - Nong Nok Khiene (Lào) |
| 2 | Myanma | Tachilek (Myanma) - Mae Sai (Thái Lan)  Myawaddy (Myanma) - Mae Sot (Thái Lan)  Muse (Myanma) - Ruili (Trung Quốc)  Htee Khee (Myanma) - Phu Nam Ron (Thái Lan) (Kanchanaburri/Dawei)  Chinshwehaw (Myanma) - Mengding (Trung Quốc)  Kenglat (Myanma) - Xieng Kok (Lào) |
| 3 | Lào | Veunekharn (Lào) - Dong Kralor (Campuchia)  Houayxay (Lào) - Chiang Khong (Thái Lan)  Thanaleng (Lào) - Nong Khai (Thái Lan)  Wang Tao (Lào) - Chong Mek (Thái Lan)  Savannakhet (Lào) - Mukdahan (Thái Lan)  Boten (Lào) - Mohan (Trung Quốc)  Nam Phao (Lào) - Cầu Treo (Việt Nam)  Dansavanh (Lào) - Lao Bảo (Việt Nam)  Nong Nok Khiene (Lào) - Trapeang Kriel (Campuchia)  Xieng Kok (Lào) - Kenglat (Myanma)  Pang Hok (Lào) - Tây Trang (Việt Nam)  Na Phao (Lào) - Cha Lo (Việt Nam)  Thakhek (Lào) - Nakhon Phanom (Thái Lan) |
| 4 | Thái Lan | Hat Lek (Thái Lan) - Cham Yeam (Campuchia)  Aranyaprathet (Thái Lan) - Poi pet (Campuchia)  Chiang Khong (Thái Lan) - Houayxay (Lào)  Nong Khai (Thái Lan) - Thanaleng (Lào)  Chong Mek (Thái Lan) - Wang Tao (Lào)  Mukdahan (Thái Lan) - Savannakhet (Lào)  Mae Sai (Thái Lan) - Tachilek (Myanma)  Mae Sot (Thái Lan) - Myawaddy (Myanma)  Phu Nam Ron (Kanchanaburri/Dawei) Thái Lan) - Htee Khee (Myanma)  Nakhon Phanom (Thái Lan) - Thakhek (Lào) |
| 5 | Trung Quốc | Mohan (Trung Quốc) - Boten (Lào)  Ruili (Trung Quốc) - Muse (Myanma)  Hà Khẩu (Trung Quốc) - Lào Cai (Việt Nam)  Hữu Nghị Quan (Trung Quốc) - Hữu Nghị (Việt Nam)  Daluozhen (Trung Quốc) - Mongla (Minela) (Myanma)  Mengding (Trung Quốc) - Chinshwehaw (Myanma) |
| 6 | Việt Nam | Mộc Bài (Việt Nam) - Bavet (Campuchia)  Hà Tiên (Việt Nam) - Prek Chak (Campuchia)  Cầu Treo (Việt Nam) - Nam Phao (Lào)  Lao Bảo (Việt Nam) - Dansavanh (Lào)  Lào Cai (Việt Nam) - Hà Khẩu (Trung Quốc)  Hữu Nghị (Việt Nam) - Hữu Nghị Quan (Trung Quốc)  Tây Trang (Việt Nam) - Pang Hok (Lào)  Cha Lo (Việt Nam) – Na Phao (Lào) |

**Phụ lục II**

**Danh sách các tuyến đường thực hiện Hiệp định GMS**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số..../2025/TT-BXD ngày .... tháng .... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

**“Danh sách các tuyến đường thực hiện Hiệp định GMS**

**1. Hành lang kinh tế Bắc-Nam (North-South Economic Corridor) gồm:**

a) Côn Minh - Hà Khẩu - Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng

(i) Cửa khẩu: Hà Khẩu (Trung Quốc) - Lào Cai (Việt Nam)

b) Nam Ninh - Hữu Nghị Quan - Hữu Nghị - Hà Nội

(i) Cửa khẩu: Hữu Nghị Quan (Trung Quốc) - Hữu Nghị (Việt Nam)

c) Tuyến: Kunming - Yuxi - Yuanjiang - Mohei - Simao - Xiaomenyang - Mohan (Trung Quốc) - Boten - Houayxay (Lào) - Chiang Khong - Chiang Rai - Tak - Bangkok (Thái Lan)

(i) Cửa khẩu: Mohan (Trung Quốc) - Boten (Lào)

(ii) Cửa khẩu: Houayxay (Lào) - Chiang Khong (Thái Lan)

d) Tuyến: Kengtung - Tachilek (Myanma) - Mae Sai - Chiang Rai¬ Tak Bangkok (Thái Lan)

(i) Cửa khẩu: Tachilek (Myanma) - Mae Sai (Thái Lan)

đ) Tuyến: Kunming-Mile-Yinshao-Kaiyuan-Mengzi-Hekou (Trung Quốc) - Lao Cai - Hà Nội - Hải Phòng (Việt Nam)

(i) Cửa khẩu: Hekou (Trung Quốc) - Lào Cai (Việt Nam)

**2. Tuyến hành lang kinh tế Đông –Tây (East-West Economic Corridor):**

a) Tuyến: Mawlamyine - Myawaddy (Myanma) - Mae Sot -Phitsanulok - Khon Kaen - Kalasin - Mukdahan (Thái Lan) -Savannakhet - Dansavanh (Lào) - Lao Bảo - Đông Hà - Huế - Đà Nẵng (Việt Nam)

(i) Cửa khẩu: Myawaddy (Myanma) - Mae Sot (Thái Lan)

(ii) Cửa khẩu: Mukdahan (Thái Lan) - Savannakhet (Lào)

(iii) Cửa khẩu: Dansavanh (Lào) - Lao Bảo (Việt Nam)

**3. Tuyến hành lang kinh tế phía Nam (Southern Economic Corridor):**

a)Tuyến: Bangkok - Kabin Buri - Sra Kaeo - Aranyaprathet hoặc Bangkok - Laem Chabang - Phanom Sarakham - Kabin Buri - Sra Kaeo - ¬Aranyaprathet (Thái Lan) - Poipet - Sisophon - Pursat -Phnom Penh - Neak Loueng - Bavet (Campuchia) - Mộc Bài - TP Hồ Chí Minh - Vũng Tàu (Việt Nam)

(i) Cửa khẩu: Aranyaprathet (Thái Lan) - Poi pet (Campuchia)

(ii) Cửa khẩu: Bavet (Campuchia) - Mộc Bài (Việt Nam)

b) Tuyến: Bangkok - Trat - Hat Lek (Thái Lan) - Cham Yeam - Koh Kong - Sre Ambil - Kampot - Lork - Prek Chak (Campuchia) - Hà Tiên - Cà Mau - Năm Căn (Việt Nam)

(i) Cửa khẩu: Hat Lek (Thái Lan) - Cham Yeam (Campuchia)

(ii) Cửa khẩu: Prek Chak (Campuchia) - Hà Tiên (Việt Nam)

**4. Các Hành lang/Tuyến đường/Cửa khẩu khác:**

a) Tuyến: Kunming - Chuxiong - Dali - Baoshan - Ruili (Trung Quốc) - Muse - Lashio (Myanma)

(i) Cửa khẩu: Ruili (Trung Quốc) - Muse (Myanma)

b) Tuyến: Vientiane - Ban Lao - Thakhek - Seno - Pakse (Lào) - Veunekharn (Lào) - Stung Treng - Kratie - Phnom Penh - Sihanoukville (Campuchia)

(i) Cửa khẩu: Veunekharn (Lào)/Dong Kralor (Campuchia)

c) Tuyến: Nateuy - Oudomxai - Pakmong - Louang Phrabang -Vientiane - ¬Thanaleng (Lào) - Nong Khai - Udon Thani - Khon Kaen - Bangkok (Thái Lan)

(i) Cửa khẩu: Thanaleng (Lào) - Nong Khai (Thái Lan)

d) Tuyến: **[Vientiane - Bolikharnxay (Lào) - Hà Tĩnh (Việt Nam)]**[[1]](#footnote-1)

(i) Cửa khẩu: Nam Phao (Lào) - Cầu Treo (Việt Nam)

đ) Tuyến: Champassak (Lào) - Ubon Ratchathani (Thái Lan)

(i) Cửa khẩu: Wang Tao (Lào) - Chong Mek (Thái Lan)

e) Tuyến: Mandalay - Meiktila - Nay Pyi Taw - Yangon - Thilawa (SEZ/seaport) - Bago - Payagyi (Hpa Yar Gyi) - Waw - Theinzayat - Kyaikto-Bilin – Thaton - Hpa An - Win Sein OR Za Tha Pyin - Kyondoe - Kawkareik - Myawady (Myanma) - Mae Sot (Thái Lan).

(i) Cặp cửa khẩu: Myawady (Myanma) - Mae Sot (Thái Lan)

g) Nabule - Hermyigyi - Myitta hoặc Dawei - Myitta - Sinbyudaing - Htee Khee (Myanma) - Phu Nam Ron (Thái Lan) - Ban Kao - Kanchanaburi - Nakhon Pathom - Bangkok

(i) Cặp cửa khẩu: Htee Khee (Mi-an-ma) - Phu Nam Ron (Thái Lan) (Kanchanaburri/Dawei)

h) Côn Minh - Yuxi - Puer - Jinhong - Mohan (Trung Quốc) - Boten (Lào) - Nateuy - Luang Namtha/Oudomxay - Luang Prabang - Thakhek hoặc Vientiane - Thakhek - Seno - Pakse - Nong Nok Khiene (Lào) - Trapeang Kriel (Campuchia) -Kratie (Kracheh) - Kampong Cham - Phnom Penh - Sihanoukville (Campuchia)

(i) Cặp cửa khẩu: Mohan (Trung Quốc) - Boten (Lào)

(ii) Cặp cửa khẩu: Nong Nok Khiene (Lào) - Trapeang Kriel (Campuchia)

i) Tuyến Văn Bàn hoặc Sa Pa - Lào Cai (Việt Nam) - Hà Khẩu (Trung Quốc) Mengzi - Kaiyuan - Yinshao - Mile - Côn Minh

(i) Cặp cửa khẩu: Lào Cai (Việt Nam) - Hà Khẩu (Trung Quốc).

k) Tuyến Laem Chabang - Phanom Sarakham-Kabin Buri-Sra Kaeo -Aranyaprathet&gt; (Thái Lan) - Poipet (Cam-pu-chia) - Sisophon

(i) Cặp cửa khẩu: Aranyaprathet (Thái Lan) - Poipet (Campuchia)

m) Tuyến Jinghong-Daluozhen (Trung Quốc) - Mongla (Minelar) (Myanma) - Wan Tar Ping (Bridge) - Kengtung

(i) Cặp cửa khẩu: Daluozhen (Trung Quốc) - Mongla (Minela) (Myanma)

l) Tuyến Côn Minh - Chuxiong - Dali - Baoshan - Mangshi - Ruili (Trung Quốc) - Muse (Myanma) - Lashio - Hsipaw - Mandalay - Shwebo - Ye U - Kalewa - Tamu

(i) Cặp cửa khẩu: Ruili (Trung Quốc) - Muse (Myanma)

n) Tuyến Côn Minh - Lincang - Mengding (Trung Quốc) - Chinshwehaw (Myanma) - Kunlon - Hseni - Lashio

(i) Cặp cửa khẩu: Mengding (Trung Quốc) - Chinshwehaw (Myanma)

o) Tuyến Hà Nội - Điện Biên - [Tây Trang (Việt Nam) - Pang Hok (Lào)][[2]](#footnote-2) -Oudomxai (Muang Xai) <Và/Hoặc Luang Namtha (AH3)>-Muang Sing - Xieng Kok (Lào) - Kenglat (Myanma) (Cầu Hữu nghị Lào - Myanma) - Kengtung - Loilin - Meiktila

(i) Cặp cửa khẩu: Tây Trang (Việt Nam) - Pang Hok (Lào)

(ii) Cặp cửa khẩu: Xieng Kok (Lào) - Kenglat (Myanma)

p) Tuyến Bangkok - Khon Kaen - Udon Thani - Nakhon Phanom (Thái Lan) -[Thakhek (Namouang) (Lào) (on NR12) - Na Phao (Lào)][[3]](#footnote-3) - Cha Lo (Việt Nam) - Hóa Tiến - Đồng Lê - Quảng Trạch (tỉnh Quảng Bình) - Hà Tĩnh - Hà Nội; Hoặc Cha Lo (Việt Nam) - Hương Khê - Hà Tĩnh - Hà Nội; Hoặc Cha Lo (Việt Nam) - Đồng Lê - Hà Tĩnh - Hà Nội

(i) Cặp cửa khẩu: Na Phao (Lào) - Chao Lo (Việt Nam)

r) Tuyến Champassak (Lào) - Ubon Ratchathani - Sri Saket - Buriram - Nakhon Ratchasima - Kabin Buri - Laem Chabang Hoặc Bangkok

(i) Cặp cửa khẩu: Nakhon Phanom (Thái Lan) - Thakhek (Lào)

(ii) Cặp cửa khẩu: Wang Tao (Lào)-Chong Mek (Thái Lan)

**Phụ lục III**

**Danh sách các cặp cửa khẩu thực hiện**

**Hiệp định vận tải đường bộ Việt Nam - Campuchia**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số ..../2025/TT-BXD ngày ..... tháng .... năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng)*

|  |  |
| --- | --- |
| **Việt Nam** | **Campuchia** |
| 1. Lệ Thanh (Gia Lai) | 1. Oyadav (Andong Pich-Ratanakiri) |
| 2. Bu Prăng (Đắk Nông) | 2. Dak Dam (Mundulkiri) |
| 3. Hoa Lư (Bình Phước) | 3. Trapeang Sre (Snoul-Kratie) |
| 4. Xa Mát (Tây Ninh) | 4. Trapeing Phlong (Kampong Cham) |
| 5. Mộc Bài (Tây Ninh) | 5. Bavet (Svay Rieng) |
| 6. Bình Hiệp (Long An) | 6. Prey Vor (Svay Rieng) |
| 7. Dinh Bà (Đồng Tháp) | 7. Bontia Chak Cray (Prey Veng) |
| 8. Tịnh Biên (An Giang) | 8. Phnom Den (Takeo) |
| 9. Hà Tiên (Kiên Giang) | 9. Prek Chak (Lork-Kam Pot) |
| 10. Thường Phước (Đồng Tháp) | 10. Koh Roka (Prey Veng) |
| 11. Vĩnh Xương (An Giang) | 11. Kaom Samnor (Kandal) |

1. Tuyến đường được đưa vào hoạt động dựa trên thông báo của phía Lào. [↑](#footnote-ref-1)
2. Tuyến đường được đưa vào hoạt động dựa trên thông báo của phía Lào [↑](#footnote-ref-2)
3. Tuyến đường được đưa vào hoạt động dựa trên thông báo của phía Lào [↑](#footnote-ref-3)